TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH HÀ** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22- 07-2020
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quý Bộ

2. Ông Bùi Văn Khởi

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Luyện - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên toà*:** - Ông Vũ Văn Tiến- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 07 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 04 năm 2020 về việc ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05/06/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 19/2020/QĐST- HNGĐ ngày 30/06/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1976; (xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Đỗ Văn B, sinh năm 1973; (vắng mặt).

ĐKHKTT; cư trú tại: Thôn T, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn trình bày: Chị và anh Đỗ Văn B trên cơ sở tự nguyện, gia đình hai bên tổ chức cưới vợ chồng chung sống với nhau từ năm 1998. Đến tháng 1/2020 chị và anh B đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Sau khi chung sống với nhau, vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung, anh B không tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Đến năm 2008 mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, vợ chồng sống ly thân khoảng 10 năm nay, trong thời

gian ly thân vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh B nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh B.

Về con chung: Chị và anh B có 02 con chung là Đỗ Tiến D, sinh ngày 26/4/1999 và Đỗ Quang Đ, sinh ngày 02/4/2002. Các con đã trưởng thành nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Chị xác định chị và anh B không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà đã nhiều lần tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định pháp luật nhưng anh B không đến Tòa án làm việc và không có quan điểm gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

* Tài liệu xác minh tại địa phương, lời khai của gia đình anh B: Anh B, chị P chung sống với nhau từ năm 1998 nhưng đến tháng 1/2020 mới đi đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống do anh B, chị P không đồng nhất quan điểm, vợ chồng đã ly thân nhiều năm nay. Nay chị P làm đơn địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Nguyễn Thị P ly hôn anh Đỗ Văn B. Về con chung: Các con trưởng thành không đặt ra giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng tại phiên tòa. Vì vậy, HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị P, anh B tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án dã triệu tập anh B nhiều lần nhưng anh B

không đến Tòa làm việc.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị P và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Sau ngày cưới, chị P anh B sống hạnh phúc khoảng vài năm thì đã nảy sinh mâu thuẫn; nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, anh B không tu chí làm ăn và không lo cho cuộc sống vợ con, vợ chồng đã ly thân nhiều năm nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị P xác định không còn tình cảm với anh B, kiên quyết xin ly hôn. Thông qua gia đình anh B biết việc chị P làm đơn xin ly hôn nhưng nhiều lần Tòa án triệu tập không đến Tòa, không có quan điểm gửi cho Tòa án biết ý kiến của mình. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị P, anh B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P, xử cho chị P, anh B ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung : Vợ chồng chị P, anh B có 02 con chung là Đỗ Tiến D, sinh ngày 26/4/1999 và Đỗ Quang Đ, sinh ngày 02/4/2002 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

[4]. Về tài sản, công sức, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Chị P, anh B đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Nguyễn Thị P ly hôn anh Đỗ Văn B.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0001815 ngày 24/04/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, chị P đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ. /.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thanh Hà;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hằng